TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2021.
"V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông K'Bar

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 31-8-2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13-8-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1986, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 87, thôn 3B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào năm 2006. Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N hay uống rượu, không lo làm ăn và thường hay đánh đập chị; chị và anh N đã sống ly thân kể từ năm 2009 cho đến nay. Hiện tại chị H cảm thấy không thể hàn gắn cuộc sống hôn nhân với anh N được nữa, do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 29-9-2007, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 09-7-2021 tại Tòa án đối với anh Phạm Văn N trình bày: Anh và chị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, thời gian sống chung anh và chị H có 01 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 29-9-2007, do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh và chị H đã sống ly thân, nay chị H làm đơn yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn N; giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Phạm Văn N hiện đang cư trú tại thôn 3B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn, con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn N chung sống và đăng ký kết hôn năm 2006, tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống, chị H và anh N đều xác nhận vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh N không chăm lo gia đình, nên thường xuyên cãi nhau, kể từ năm 2009 đến nay, chị và anh N đã sống ly

thân, chị H và anh N đều xác định không thể hàn gắn nên đều thống nhất ly hôn. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, không còn có sự thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 29-9-2007, quá trình giải quyết, chị H, anh N đều thống nhất giao con cho chị H nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuyên, nên giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp; quá trình giải quyết chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị H, anh N đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn N.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 29-9-2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005910 ngày 11-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Ki, huyện K (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.